

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN SƠN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **142/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/6/2025

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quan Thị Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Vinh

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/6/2025 giữa:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 11/02/1996.

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Kom Tum.

**\* Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn V**, sinh ngày 05/6/1995.

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị T, anh V đều có đơn xin xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 06 tháng 11 năm 2005. Sau khi kết hôn chị và anh V cùng chung sống tại

thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2019 chuyển về nhà ngoại ở tỉnh Kom Tum để làm ăn, sinh sống. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, nhiều bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn, một phần do anh V không tu chí làm ăn, chơi bời đàn đúm, không quan tâm đến vợ con. Việc mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Hiện nay chị ở nhà ngoại ở K còn anh V và con gái đã chuyển về nhà nội ở xã X, huyện Y ở nhưng anh V vẫn thường xuyên nhảu tin chửi bới, đe dọa tạo sức ép về tâm lý cho chị. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Nguyễn Văn V đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 01 chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/11/2014, từ năm 2021 anh V đã đưa cháu M về sinh sống tại thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Ly hôn, chị nhất trí để anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Trà M chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

Về tài sản chung, vay nợ chung, cho vay nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn V không có tài sản chung, vay nợ chung, cho vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thúy G nguyên lời khai như đã trình bày với Tòa án. Chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị xử cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V và giải quyết về con chung.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 06 tháng 11 năm 2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2017 thì chuyển vào nhà ngoại ở tỉnh Kom Tum sinh sống và làm ăn. Đến năm 2021 do vợ chồng có mâu thuẫn nên anh đã đưa con gái là cháu Nguyễn Trà M về xã X, huyện Y ở từ đó đến nay. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị một phần do lỗi của anh, do bản thân còn mãi chơi, chưa tu chí làm ăn. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành. Tuy nhiên trước yêu cầu ly hôn của chị T, anh không nhất trí ly hôn vì anh vẫn muốn giữ gia đình cho con

Về con chung: Anh chị có 01 chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/11/2014, từ năm 2021 anh đã đưa cháu M về sinh sống tại thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cháu M sống cùng với anh và bố mẹ đẻ anh. Nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung, cho vay nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, vay nợ chung, cho vay nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn V đến Tòa án để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Nguyễn Văn V không đến Tòa án để hoà giải vụ án nên không tiến hành hoà giải được. Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn V đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Kết quả xác minh: Trưởng thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó anh chị chuyển vào quê chị T ở tỉnh Kom Tum làm ăn, sinh sống. Khoảng năm 2021 anh V đưa con gái về thôn S, xã X để sinh sống. Anh V và cháu M sống tại địa phương từ năm 2021 đến nay, không thấy chị T về địa phương nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là gì thì chính quyền địa phương không nắm được. Anh V và chị T đã ly thân nhiều năm nay.

Về con chung: Anh V, chị T có 01 chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/11/2014, từ năm 2021 anh V đã đưa cháu M về sinh sống tại thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cháu M sống cùng với anh V và bố mẹ đẻ anh V tại địa phương. Cháu M được đi học và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần.

Về tài sản chung, vay nợ chung của anh V, chị T chính quyền địa phương không nắm được.

Hiện nay anh V làm lao động tự do, các công việc thời vụ thu nhập khoảng 250.000 đồng đến 300.000 đồng/ ngày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/11/2014 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về vay nợ chung, cho vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V xác định anh chị không có nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Văn V không phải chịu án phí. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn V và giao nuôi con chung. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Văn V đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Vụ án không tiến hành hoà giải được vì bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Nguyễn Văn V.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 06/11/2015 giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01 năm 2015, hai bên kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị T, anh V là hợp pháp.

Kết quả xác minh thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị Vinh Thúy sinh sống tại Thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó anh chị chuyển vào quê chị T ở tỉnh Kom Tum làm ăn, sinh sống. Khoảng năm 2021 anh V đưa cháu M về thôn S, xã X để sinh sống. Anh V và cháu M sống tại địa phương từ năm 2021 đến nay, chị T vẫn sinh sống tại Thôn N, xã X, huyện S, tỉnh Kom Tum. Anh V, chị Thúy L sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Bản thân chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhưng anh V không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh V không thực sự mong muốn hòa giải đoàn tụ. Bản thân anh V cũng xác định vợ chồng ông sống ly thân từ năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V có 01 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/11/2014. Ly hôn chị T và anh V đều đề nghị giao con chung cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nên giao cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/11/2014 cho anh V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh V không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[8] Về vay nợ chung, cho vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V xác định anh chị không có vay nợ chung, cho vay nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn V không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* đối với anh Nguyễn Văn V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V (Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyền số 01/2015 ngày 06 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang).

3. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/11/2014 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000003851157 ngày 17/4/2025 của Công ty cổ phần T3 và biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 37 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn V không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
  - VKSND tỉnh Tuyên Quang;
  - VKSND huyện Yên Sơn;
  - Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
  - UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn
- (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quan Thị Thu Trang**